

# KHÁI NIỆM VỀ AN NINH CON NGƯỜI

## 1. Khái niệm “an ninh”

“An ninh” là một trong những phạm trù quan trọng nhất trong sự tồn tại của con người và xã hội loài người. Quyền được bảo đảm về sự an toàn của con người như là một “lẽ phải tự nhiên”. Theo John Locke: “Dù ta có xét đến lẽ phải tự nhiên hay không, vốn nói rằng con người, một khi được sinh ra, có quyền bảo toàn với bản thân họ, và do đó, có quyền ăn, uống và những điều tương tự khác, là sự chu cấp tự nhiên cho sự tồn tại của họ”<sup>1</sup>.

Trong khoa học chính trị và khoa học an ninh, an ninh” là một khái niệm cơ bản, và cũng là một giá trị cơ bản. “An ninh” là điều kiện, tiền đề để cho loài người tồn tại có trật tự. Một cá nhân muốn sinh tồn thì phải có điều kiện tự nhiên của an ninh. John Locke khẳng định: “Vì theo luật tự nhiên làm căn bản đó, con người được quyền bảo toàn đến mức tối đa có thể được. Khi mà tất cả đều không thể bảo vệ được, thì sự an toàn của người vô tội là điều được ưu tiên”<sup>2</sup>.

Trong một xã hội, nhà nước bao giờ cũng là chủ thể cơ bản để bảo vệ an ninh con người. Một quốc gia muốn tồn tại thì ngoài việc cần phải có đầy đủ các điều kiện trong nước đối với các loại an ninh, còn cần phải có một môi trường an ninh quốc tế.

“An ninh” trong tiếng Anh có các từ Security và Safety, có nghĩa gốc là tránh khỏi trạng thái hoặc cảm giác lo lắng sợ hãi và nguy hiểm, tức là tránh hoài nghi và không xác định”<sup>3</sup>. Theo nghĩa này thì khái niệm “an ninh” được hiểu rất rộng, tức là tình trạng không hiểm nguy, không lo sợ; và còn có hàm ý được bảo vệ an toàn. Thế theo đó, an ninh được hiểu là tình trạng không tồn tại sự đe dọa, nguy hiểm đối với chủ thể người ở cấp độ cá nhân cũng như cộng đồng).

Từ điển Webster định nghĩa: An ninh là chất lượng hay tình trạng được an toàn như: a) không có nguy hiểm; b) không có sợ hãi hay lo âu; c) không có thiếu thốn hay nghèo khổ. Bởi vậy, mục tiêu của bảo đảm an ninh là bảo vệ (một

<sup>1</sup> John Locke; Khảo luận thứ hai về chính quyền, Nxb, Tri thức, Hà Nội, 2007

<sup>2</sup> John Locke: Khảo luận thứ hai về chính quyền, Sđd, tr.49

<sup>3</sup> Xem Philip Babco Gove: Webster's Third New International Dictionary of the English Language, Published by G. & C. Merriam Co, 1976, p.2053

đôi tượng xác định) trước những nguy cơ đe dọa. Với nghĩa tiếng Việt, an ninh là trật tự xã hội, tình hình chính trị yên ổn, không lộn xộn, không có sự phản kháng, không nguy hiểm. Theo đó, an ninh trong tiếng Việt nhấn mạnh đến sự an toàn, ổn định về chính trị của một chế độ. Học giả người Anh, Barry Buzan cho rằng, an ninh là “sự theo đuổi việc tránh khỏi mối uy hiếp”<sup>4</sup>, thể hiện năng lực bảo vệ quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại thế lực thù địch”<sup>5</sup>. Arnold Wolfers cho rằng, an ninh là “một loại đánh giá/nhận định”, “Về mặt khách quan, nó phản ánh tình trạng không tồn tại mối uy hiếp đối với giá trị đã giành được. Về mặt chủ quan, nó phản ánh tình trạng không tồn tại nỗi lo sợ về việc những giá trị đó bị tấn công”. An ninh là “điểm đầu và điểm cuối” trong nghiên cứu chính trị quốc tế. Tuy nhiên, theo ông, nội dung của khái niệm này vẫn còn chưa thật rõ ràng<sup>6</sup>. Đi sâu vào khái niệm “an ninh”, các học giả phương Tây cho rằng, có năm vấn đề:

Thứ nhất, giá trị nào bị tấn công?

Thứ hai, sự uy hiếp những giá trị đó là gì?

Thứ ba, biện pháp có thể dùng để đối phó với uy hiếp là như thế nào?

Thứ tư, khi bị uy hiếp thì ai là người đứng ra bảo vệ?

Thứ năm, ai sẽ chi phí cho an ninh và bảo vệ? Là Đối với an ninh quốc gia, thì sự xâm phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, độc lập chính trị chính là mối uy hiếp đối với an ninh quốc gia. Nhưng cũng có mối uy hiếp đến từ nội bộ xã hội như: xung đột xã hội, nội chiến và những sự việc hoặc vấn đề khác nữa. Như vậy, có nhiều cách định nghĩa khác nhau về an ninh. Xét từ góc độ nghiên cứu rủi ro và khủng hoảng thì: An ninh trước hết được hiểu như: về nhận thức, an ninh là sự đánh giá về khả năng và mức độ rủi ro đang xảy ra hoặc có khả năng xảy ra; về thực tiễn, an ninh là hệ thống bao gồm các biện pháp cùng với thể chế tương ứng - nhằm hóa giải /hạn chế/kiểm soát các rủi ro đó.

An ninh không chỉ phản ánh hiện thực khách quan mà còn đề cập đến một trạng thái tâm lý - cảm giác an toàn và đối lập với nó là cảm giác bất an. Bất an là một trạng thái tâm lý bình thường và phổ biến của con người, không những

<sup>4</sup> Bill McSweeney: Security, Identity and Interests, Cambridge Press, 1999, p.27

<sup>5</sup> Bill McSweeney: Security, Identity and Interests, Cambridge Press, 1999, p.27

<sup>6</sup> Xem Arnold Wolfers: National Security as an Ambiguous Symbol, Political Science Quarterly Publisher, 1952, p.67

vậy nó còn phản ánh sự lành mạnh của con người xét ở phương diện sinh học, thể hiện sự nhạy cảm của con người trước những rủi ro. Tuy nhiên, khi bất an trở thành trạng thái tâm lý phổ biến thì đó là vấn đề đáng lo ngại bởi nó nói lên tính đe dọa đối với cộng đồng xã hội. Nếu bất an trở thành hiện tượng xã hội phổ biến, con người sẽ phải đối mặt với những rủi ro, đó sự khủng hoảng tâm lý có tính chất toàn diện và sâu sắc. Con người cảm nhận về sự bất an rất khác nhau vì cảm giác không chỉ đơn thuần là một kích thích mà nó còn là hệ quả của quá trình nhận thức.

Tóm lại, an ninh có thể được khái quát như sau: về khách quan là không có sự uy hiếp, về chủ quan là không có sự lo sợ. An ninh là trạng thái ổn định, an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm đe dọa sự tồn tại và phát triển bình thường của cá nhân, của tổ chức, của từng lĩnh vực hoạt động xã hội hoặc của toàn xã hội.

Trên thực tế, bất kể nhìn vấn đề từ chiều cạnh nào, an ninh cùng với cảm giác và trạng thái tâm lý con người đều không tách rời nhau. Trước sự nguy hiểm chưa phát sinh trong thực tế, đây không phải là an ninh mà mọi người bàn luận, thực ra chỉ là sự phán đoán chủ quan trước sự uy hiếp. Tình thế đó liệu có trở thành mối đe dọa đối với an ninh quốc gia hay không là tùy thuộc vào sự phán đoán khác nhau của mỗi người. Có thể có người sợ hãi, có người không sợ hãi, có người cho rằng đó là đe dọa, cũng có người cho rằng đó không phải là đe dọa. Ví dụ, việc Mỹ đưa quân can thiệp ở Trung Đông, thì nhận thức của đại đa số người Mỹ trong nội bộ nước Mỹ và Chính phủ Mỹ là không đồng nhất với nhau. Chính phủ Mỹ cho rằng, giải quyết vấn đề Trung Đông có liên quan mật thiết đến lợi ích an ninh của nước Mỹ, còn cách nhìn nhận của đại đa số người dân nước Mỹ thì ngược lại.

Như vậy, có thể nhận thức rằng, an ninh trong thời gian khác nhau, ở những địa điểm khác nhau, sự việc khác nhau, đối tượng khác nhau, thì sẽ có cách hiểu khác nhau. Từ cách xem xét về an ninh như vậy nên có thể gắn “an ninh” cho những thực thể xã hội khác nhau.

## **2. Khái niệm “con người”**

Con người là một trong những vấn đề trung tâm và quan trọng, luôn được các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách của các quốc gia trên thế giới quan tâm, phân tích một cách sâu sắc nhất.

Triết học Mác Lênin coi con người là một thực thể tự nhiên mang đặc tính xã hội, có sự thống nhất biện chứng giữa hai phương diện tự nhiên và xã hội. Tiền đề vật chất đầu tiên quy định sự hình thành, tồn tại và phát triển của con người chính là giới tự nhiên. Bản tính tự nhiên là một trong những phương diện cơ bản của con người, loài người.

Vì vậy, việc nghiên cứu, khám phá khoa học về cấu tạo tự nhiên và nguồn gốc tự nhiên của con người là cơ sở khoa học quan trọng để con người hiểu biết về chính bản thân mình, tiến đến làm chủ bản thân mình trong mọi hành vi và hoạt động sáng tạo ra lịch sử của nó, tức lịch sử nhân loại.

Thứ nhất, bản tính tự nhiên của con người Con người là kết quả của quá trình tiến hóa và phát triển lâu dài của giới tự nhiên. Cơ sở khoa học của kết luận này đã được chứng minh bằng toàn bộ sự phát triển của chủ nghĩa duy vật và khoa học tự nhiên, đặc biệt là học thuyết của Đánuyn về sự tiến hóa của các loài. Con người là một bộ phận của giới tự nhiên và đồng thời giới tự nhiên cũng là thân thể vô cơ của con người". Do vậy, những biến đổi của giới tự nhiên và tác động của quy luật tự nhiên trực tiếp hoặc gián tiếp thường xuyên quy định sự tồn tại của con người và xã hội loài người, nó là môi trường trao đổi vật chất giữa con người và giới tự nhiên; mặt khác, sự biến đổi và hoạt động của con người, loài người luôn tác động trở lại môi trường tự nhiên, làm biến đổi môi trường đó. Đó chính là mối quan hệ biện chứng giữa sự tồn tại của con người, loài người và các tồn tại khác của giới tự nhiên. Tuy nhiên, con người không đồng nhất với các tồn tại khác của giới tự nhiên, nó mang đặc tính xã hội bởi vì mỗi con người với tư cách là "người" chính là xét trong mối quan hệ của các cộng đồng xã hội, đó là các cộng đồng: gia đình, giai cấp, quốc gia, dân tộc, nhân loại... Do vậy, bản tính xã hội nhất định phải là một phương diện khác của bản tính con người (đây có thể coi là bản tính đặc thù của con người).

#### Thứ hai, bản tính xã hội của con người

- Một là, từ góc độ nguồn gốc hình thành, loài người không phải chỉ có nguồn gốc từ sự tiến hóa, phát triển của vật chất tự nhiên mà còn có nguồn gốc xã hội của nó, mà trước hết và cơ bản nhất là nhân tố lao động. Chính nhờ lao động mà con người có khả năng vượt qua tính loài vật để tiến hóa và phát triển thành người. Đó là một trong những phát hiện đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin, qua đó có thể hoàn chỉnh học thuyết về nguồn gốc của loài người, điều

mà tất cả các học thuyết trong lịch sử đều chưa có lời giải đáp đúng đắn và đầy đủ. Hai là, từ góc độ tồn tại và phát triển, thì tồn tại của loài người luôn bị chi phối bởi các nhân tố xã hội và các quy luật xã hội. Xã hội biến đổi thì mỗi con người cũng có sự thay đổi tương ứng. Ngược lại, sự phát triển của mỗi cá nhân lại là tiền đề cho sự phát triển của xã hội. Ngoài mối quan hệ xã hội thì mỗi con người chỉ tồn tại với tư cách là một thực thể sinh vật thuần túy, không thể là “con người” với đầy đủ ý nghĩa của nó.

Hai mặt tự nhiên và xã hội của con người tồn tại trong chính thể mang tính thống nhất, quy định lẫn nhau, tác động lẫn nhau, làm biến đổi lẫn nhau, nhờ đó tạo nên khả năng hoạt động sáng tạo của con người trong quá trình làm ra lịch sử của chính con người. Vì thế, nếu lý giải bản chất sáng tạo của con người đơn thuần chỉ từ góc độ bản tính tự nhiên hoặc chỉ từ bản tính xã hội thì đều là phiến diện, không triệt để và nhất định cuối cùng sẽ dẫn đến những kết luận sai lầm trong nhận thức và thực tiễn.

Trong lịch sử tư tưởng nhân loại đã có nhiều quan niệm khác nhau về bản chất, “bản tính người” của con người, nhưng về cơ bản những quan niệm đó thường rơi vào phiến diện, trừu tượng và duy tâm, thần bí. Trong tác phẩm Luận cương về Phoi - o - Bắ C.Mác đã phê phán vắn tắt những quan niệm đó và khẳng định: “bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội”<sup>7</sup>.

Hạn chế cơ bản của quan niệm duy vật siêu hình, trực quan là đã trừu tượng hóa, tuyệt đối hóa mặt tự nhiên của con người, thường xem nhẹ việc lý giải con người từ phương diện lịch sử xã hội của nó, do đó về cơ bản chỉ thấy hoặc đề cao bản tính tự nhiên của con người. Khác với quan niệm đó, quan niệm duy vật biện chứng về con người trong khi thừa nhận bản tính tự nhiên của con người còn lý giải con người từ góc độ các quan hệ lịch sử xã hội, từ đó phát hiện bản tính xã hội của nó. Hơn nữa, chính bản tính xã hội của con người là phương diện bản chất nhất của con người với tư cách “người”, phân biệt con người với các tồn tại khác của giới tự nhiên. Như vậy, có thể định nghĩa con người là một thực thể tự nhiên nhưng đó là thực thể tự nhiên mang đặc tính xã hội. Bản chất của

---

<sup>7</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 3, tr.11

con người, xét trên phương diện tính hiện thực của nó, chính là “tổng hòa những quan hệ xã hội” bởi vì xã hội chính là xã hội của con người, điều được tạo nên từ toàn bộ các quan hệ giữa người với người trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa,...

Theo quan điểm duy vật biện chứng về bản chất xã hội của con người thì sự hình thành và phát triển của con người cùng khả năng sáng tạo lịch sử của con người cần phải được tiếp cận từ góc độ phân tích và lý giải sự hình thành và phát triển của những quan hệ xã hội của con người trong lịch sử. Không có con người phi lịch sử, mà trái lại luôn gắn với những điều kiện hoàn cảnh lịch sử nhất định. Cần phải xuất phát từ quan niệm như vậy mới có thể lý giải đúng đắn về khả năng sáng tạo lịch sử của con người.

Con người, xét từ góc độ bản chất xã hội của nó, là sản phẩm của lịch sử, lịch sử sáng tạo ra con người trong chừng mực nào thì con người lại cũng sáng tạo ra lịch sử trong chừng mực đó. Đây là biện chứng của mối quan hệ giữa con người - chủ thể của lịch sử với chính lịch sử do nó tạo ra và đồng thời lại bị quy định bởi chính lịch sử đó. Như vậy, có thể thấy, hạn chế cơ bản của quan niệm duy vật siêu hình về bản chất của con người chính là ở chỗ chỉ nhận thấy tính quyết định của hoàn cảnh lịch sử đối với con người mà không nhận thấy mối quan hệ sáng tạo của con người trong quá trình cải tạo hoàn cảnh và do đó cũng chính là cải tạo bản thân con người. C.Mác đã khẳng định: “Cái học thuyết duy vật chủ nghĩa muốn rằng con người là sản phẩm của những hoàn cảnh và của giáo dục, rằng do đó con người đã biến đổi là sản phẩm của những hoàn cảnh khác và của một nền giáo dục đã thay đổi, - cái học thuyết ấy quên rằng chính những con người làm thay đổi hoàn cảnh và bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục”<sup>8</sup>.

Trong tác phẩm Biện chứng của tự nhiên, Ph.Ăngghen cũng cho rằng: “Thú vật cũng có một lịch sử, chính là lịch sử nguồn gốc của chúng và lịch sử phát triển dần dần của chúng cho tới trạng thái hiện nay của chúng. Nhưng lịch sử ấy không phải do chúng làm ra và trong chừng mực mà chúng có tham dự vào việc làm ra lịch sử ấy thì điều đó diễn ra mà chúng không hề biết và không phải do ý muốn của chúng. Ngược lại, con người càng cách xa con vật, hiểu theo nghĩa

---

<sup>8</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Sđd, t.3, tr.10

hẹp của từ này ba nhiều thì con người lại càng tự mình làm ra lịch sử của mình một cách có ý thức bấy nhiêu"<sup>9</sup>.

Như vậy, với tư cách là thực thể xã hội, con người trong hoạt động thực tiễn, thông qua hoạt động thực tiễn, tác động vào giới tự nhiên, làm cải biến giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của mình, thì đồng thời con người cũng sáng tạo ra lịch sử của chính mình, thực hiện sự phát triển của lịch sử đó. Không có con người trừu tượng, chỉ có con người cụ thể trong mỗi giai đoạn phát triển nhất định của xã hội. Bản chất con người trong mỗi quan hệ với điều kiện lịch sử xã hội luôn luôn vận động, biến đổi cũng phải thay đổi cho phù hợp. Bản chất con người không phải là một hệ thống đóng kín, mà là hệ thống mở, tương ứng với điều kiện tồn tại của con người.

### **3. Khái niệm “an ninh con người”**

Hiện nay, vấn đề an ninh con người đang thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả, chính trị gia, nhà nước, tổ chức quốc tế và khu vực. Các nhà nghiên cứu đưa ra các quan niệm về an ninh con người hay an ninh, an toàn của con người được hiểu khá tương đồng với nhau. Các cách hiểu này được nảy sinh gắn liền với những ném trái của con người qua các cuộc chiến tranh, xung đột và những mâu thuẫn nảy sinh trong cuộc sống của nhân loại, quốc gia - dân tộc, cộng đồng người, gia đình và bản thân mỗi con người.

Ở phạm vi hẹp, an ninh con người hầu hết đề cập đến bảo vệ cá nhân khỏi những mối đe dọa bạo lực, cụ thể như: xung đột vũ trang, bất hòa dân tộc, nhà nước không hoạt động như mong đợi, buôn lậu nhỏ có vũ trang....<sup>10</sup>.

Ở phạm vi rộng, an ninh con người đề cập đến giải quyết một dãy những nhu cầu con người và tự do được xác định để bảo đảm hạnh phúc của cá nhân, cũng như bảo vệ các cá nhân khỏi những mối đe dọa. Trong quan niệm của nhiều quốc gia được đưa ra trong các bản “Tuyên ngôn độc lập” hay “Tuyên bố về nhân quyền” đều khẳng định, con người sinh ra có quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc, quyền phát triển. Con người với tư cách công dân của xã hội, trong xã hội công dân phải được bảo đảm quyền tồn tại và phát triển

---

<sup>9</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Sđd, tr.20, tr.476.

<sup>10</sup> Xem Taylor Owen: Challenges and Opportunities for Defining and Measuring Human Security, Publisher Geneva, 2004, pp.15-24

đúng nghĩa con người cho dù con người đó sống ở đâu, quốc gia nào, khu vực nào trên trái đất này. Đó có thể coi là những sự trải nghiệm giá trị, thành quả tư duy, nhận thức của nhân loại. Chẳng hạn, Chính phủ Nhật Bản đã định nghĩa an ninh con người là việc bảo vệ “cốt lõi sống còn của cuộc sống con người theo cách hoàn thiện tự do của con người và đáp ứng nhu cầu con người”<sup>11</sup>. Với quan điểm này, Nhật Bản đã chỉ rõ, những quyền cơ bản của con người được coi là “cốt lõi của cuộc sống và chúng cần được bảo vệ. Do đó, an ninh con người, về thực chất là việc bảo đảm cho những quyền như vậy không bị xâm hại, ở bất cứ đâu và vào bất cứ lúc nào. Trong Báo cáo phát triển con người của Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) năm 1994, đã đề cập một cách khá toàn diện đến khái niệm “an ninh con người”. Theo báo cáo này: An ninh con người có nghĩa là an toàn thoát khỏi các mối đe dọa về đói nghèo, bệnh tật, tội phạm, sự đàn áp. Nó cũng có nghĩa bảo vệ khỏi sự đe dọa có hại và bất ngờ trong mẫu hình của đời sống hằng ngày tại gia đình, trong công việc, trong cộng đồng hay trong môi trường của chúng ta. Như vậy, theo quan niệm của tổ chức UNDP, an ninh con người thể hiện ở hai khía cạnh cơ bản: (1) An toàn trước các mối đe dọa triền miên như đói khát, bệnh tật, áp bức...; (2) Con người phải được bảo vệ trước những biến động bất thường và có hại đối với cuộc sống hằng ngày, bất kể con người đang sống trong môi trường nào. Có thể hiểu hai khía cạnh trên mang hàm ý rất rộng khi hiểu về bản chất của an ninh con người. Tuy nhiên, việc bảo đảm an ninh con người lại cần các giải pháp tổng thể nhưng lại phải hết sức cụ thể: từ sự đáp ứng những nhu cầu thiết yếu nhất cho đến sự an toàn, không phải âu lo của con người. Nội dung của Báo cáo chỉ rõ an ninh con người có bốn đặc trưng cơ bản:

Thứ nhất, an ninh con người mang tính chất phổ biến. Tuy ở các quốc gia có sự phát triển khác nhau (mạnh, yếu; giàu, nghèo; nước lớn hay nhỏ), có sự khác nhau về mức độ, tính chất các nguy cơ đe dọa tới an ninh con người ở nơi này, nơi khác song đó là thực tế và đang có xu hướng gia tăng trên toàn cầu.

Thứ hai, những yếu tố tạo thành, tác động, ảnh hưởng đến an ninh con người đều có mối tương liên, phụ thuộc, tác động chuyển hóa lẫn nhau. Con người với tư cách công dân của cộng đồng xã hội, dù sống trong không gian, thời gian nào đó nếu bị đe dọa bởi: đói nghèo, bệnh tật, ma túy, xung đột sắc tộc,

<sup>11</sup> Commission on Human Security: " Human Security Now ", New York, 2003, p.4



tôn giáo, chiến tranh xung đột... thì phần còn lại của thế giới chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng, liên quan.

Thứ ba, các nguy cơ, yếu tố tác động tới an ninh con người cần phải được ngăn ngừa sớm, như là phòng hơn chống. Điều này đòi hỏi trách nhiệm và nghĩa vụ của cộng đồng, nhà nước, dân tộc, tổ chức, quốc tế, khu vực và cả thế giới, tham chí của từng gia đình, cá nhân trong việc phòng, chống nguy cơ đe dọa an ninh con người,

Thứ tư, an ninh con người đang được hầu hết các nhà nước dân tộc xác định con người vừa là mục tiêu vừa là động lực hay con người là trung tâm An ninh thế giới, an ninh quốc gia, An ninh xã hội, an ninh cộng đồng và an ninh con người đều có quan hệ tương liên, suy cho cùng cũng là vì con người, do người và cho con người.

Với phương pháp tiếp cận trên về khái niệm, đặc trưng, nội hàm của an ninh con người, Liên hợp quốc đã đưa ra bảy nhân tố cấu thành, tác động đến an ninh con người, bao gồm: (1) an ninh kinh tế, (2) an ninh lương thực; (3) an ninh sức khỏe; (4) an ninh môi trường; (5) an ninh cá nhân; (6) an ninh công đồng, (7) an ninh chính trị. Các nhân tố này chịu tác động, ảnh hưởng đến an ninh con người từ nhiều góc độ, phương diện khác nhau, tùy theo hoàn cảnh không gian, thời gian, điều kiện, môi trường, hoàn cảnh, ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến từng người, cộng đồng người nhất định.

An ninh kinh tế, theo mức độ và quy mô tác động đến con người, song trực tiếp và nổi cộm là bảo đảm an sinh xã hội, việc làm, thất nghiệp, nhất là thu nhập của người lao động, tạo điều kiện, cơ sở vật chất thực hiện, bảo đảm cuộc sống, an ninh cho con người, bảo đảm quyền sống và phát triển.

An ninh lương thực, bảo đảm cho con người không bị đói, bảo đảm cung cấp đủ chất dinh dưỡng cho cuộc sống con người có hiệu quả. Đòi hỏi xã hội, dự trữ và phân phối lương thực có hiệu quả, bảo đảm mọi người đều có cơ hội và khả năng cung ứng lương thực. Theo báo cáo năm 2018 của Ngân hàng Thế giới (WB), dù đạt được những bước tiến trong quá trình giảm nghèo cùng cực, số người nghèo trên thế giới vẫn cao ở mức không thể chấp nhận được. Gần một nửa dân số thế giới 3,4 tỷ người, đang sống chỉ với ít hơn 5,5 USD/ngày (khoảng 128.000 đồng) và tỷ lệ người nghèo trong các nền kinh tế giàu có đang ngày càng tăng lên. Hiện còn 1,3 tỷ người trên thế giới sống trong cảnh nghèo

đối với số tiền ít hơn 30.000 VNĐ/ngày. Nghèo đói cũng là nguyên nhân dẫn đến tử vong của hàng triệu trẻ em mỗi năm.

Hiện nay, cộng đồng quốc tế đồng thuận mục tiêu xóa đói giảm nghèo, coi phát triển bền vững là một trong những mục tiêu thiên niên kỷ, thực chất cũng chính là hướng đến thực hiện quyền con người, quyền sống, tự do, bình đẳng.

An ninh sức khỏe, sức khỏe là vốn quý của con người. Sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần của con người chịu sự tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. An ninh con người trước hết và trên hết bảo đảm an toàn cho con người trước mọi nguy cơ đe dọa tới sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần. Bảo đảm điều kiện vật chất trong cuộc sống và sinh hoạt, dịch vụ chăm sóc về y tế, bảo hiểm xã hội, phòng ngừa và chống lại dịch bệnh hiểm nghèo... và nhất là sống trong môi trường xã hội, an sinh xã hội, an ninh xã hội được bảo đảm phát triển con người hoàn thiện và bền vững.

An ninh môi trường, con người sống, tồn tại và phát triển trong môi trường tự nhiên và xã hội nhất định. Con người là một thực thể của tự nhiên, cải tạo, chinh phục thiên nhiên phục vụ con người. Song, do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, môi trường sống của con người ngày càng ô nhiễm: ô nhiễm đất đai, ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí, cạn kiệt tài nguyên, gây nên hiệu ứng nhà kính, biến đổi khí hậu, hạn hán, bão lụt, động đất, sóng thần... đã và đang đe dọa nghiêm trọng đến cuộc sống của con người. Thiên nhiên nổi giận", "trùng phạt", đe dọa nghiêm trọng đến cuộc sống bình an của con người. Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu... trở thành vấn đề toàn cầu cấp bách, đe dọa đến sự tồn vong của nhân loại, đến an ninh toàn cầu và mỗi con người.

An ninh cá nhân, suy cho cùng, an ninh con người cũng là sự bảo toàn cho từng cá nhân trong cộng đồng, trong xã hội nhất định, là mục tiêu cuối cùng. Song ở đây nhấn mạnh an ninh cá nhân là sự bảo đảm cho mỗi người trước nguy cơ đe dọa từ hành vi bạo lực, như: tra tấn, lao động khổ sai, chiến tranh, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố, bạo lực gia đình, lạm dụng trẻ em...

An ninh cộng đồng, con người sống, mưu cầu hạnh phúc thường là gắn với gia đình, nhóm người, cộng đồng người, quốc gia - dân tộc, cộng đồng xã hội nhất định. An ninh cộng đồng, hay cũng có thể hiểu an ninh xã hội nhất định trong đó có con người, từng công dân sinh sống được bảo đảm là điều kiện, cơ

sở thực hiện an ninh con người. An ninh con người được bảo đảm cũng có nghĩa an ninh xã hội, an ninh cộng đồng được giữ vững.

An ninh chính trị, con người thường sống và mưu cầu hạnh phúc gắn với cộng đồng người, gắn với xã hội, thể chế chính trị xã hội nhất định. Sự ổn định chính trị - xã hội là yếu tố cơ bản, tiền đề để xã hội phát triển. Sự ổn định chính trị - xã hội, cũng đồng nghĩa an ninh chính trị - xã hội được giữ vững. Đó là tiền đề bảo đảm, thực thi quyền con người, con người được bảo đảm, an toàn, tự do, phát triển cả về thể chất và tinh thần.

Như vậy, những lĩnh vực trên thể hiện tổng hòa của các mối quan hệ, giao thoa, chồng lấn, trực tiếp và gián tiếp đến an ninh con người từ các khía cạnh, góc độ, quy mô khác nhau. Điều đó cũng khẳng định rằng, “an ninh con người” là khái niệm mang nội hàm, đặc trưng toàn diện, lấy mục tiêu con người là đầu tiên và cũng là cuối cùng, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển trong thế giới hiện đại.

Từ cách tiếp cận trên, có thể nhận thấy; mục tiêu của an ninh con người là tất cả vì con người", “con người làm trung tâm trong hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia”. Theo đó, việc xây dựng tiêu chí, chỉ số đo lường về an ninh con người được dựa trên các nhân tố: an ninh kinh tế; an ninh sức khỏe, an ninh chính trị; an ninh môi trường, an ninh giáo dục... Những tiêu chí, chỉ số đo lường trong nội hàm an ninh con người luôn được bổ sung, mở rộng và cụ thể hóa tùy theo thời gian, môi trường, điều kiện, hoàn cảnh nhất định.

Như vậy, khi gắn an ninh với con người, có thể định nghĩa an ninh con người như sau: An ninh con người được hiểu là việc bảo vệ các quyền cơ bản của con người trước những nguy cơ xâm hại, đe dọa... Nhờ việc được bảo vệ như vậy, mỗi cá nhân (nói riêng) và cộng đồng (nói chung) có được đời sống yên ổn và cơ hội phát triển.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. John Locke; Khảo luận thứ hai về chính quyền, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2007
2. Xem Philip Babco Gove: Webster's Third New International Dictionary of the English Language, Published by G. & C. Merriam Co, 1976
3. Bill McSweeney: Security, Identity and Interests, Cambridge Press, 1999
4. Xem Arnold Wolfers: National Security as an Ambiguous Symbol, Political Science Quarterly Publisher, 1952

5. C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 3
6. Xem Taylor Owen: Challenges and Opportunities for Defining and Measuring Human Security, Publisher Geneva, 2004
7. Commission on Human Security: " Human Security Now ", New York, 2003

